

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý đối với cụm công nghiệp
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BCT gày 31/8/2017 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 1668/TTr-SCT ngày 14/6/2017, các văn bản số 2323/SCT-QLCN ngày 16/8/2017, số 2952/SCT-QLCN ngày 20/10/2017 và số 595/SCT-QLCN ngày 14/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Giao thông Vận tải, Nội vụ, Lao động, Thương binh và Xã hội; Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Cảnh sát PCCC; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Liên đoàn Lao động tỉnh (phối hợp);
- Đài PT&TH QN; Báo Quảng Ninh;
- Trung tâm thông tin (đưa tin);
- V0-5, các chuyên viên NCTH;
- Lưu: VT, XD6;

N.10-QĐ.009

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Tùng

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1304 /QĐ-UBND ngày 20 /4/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) và các tổ chức có liên quan trong việc thực hiện công tác quản lý đối với cụm công nghiệp (sau đây gọi tắt là CCN) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

b) Các hoạt động khác có liên quan đến công tác quản lý đối với CCN không quy định trong Quy chế này, thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc liên quan đến quản lý nhà nước và hoạt động của CCN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ (quy định tại Điều 2 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp)

1. Cụm công nghiệp là nơi sản xuất, thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống, được đầu tư xây dựng nhằm thu hút, di dời các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác vào đầu tư sản xuất kinh doanh.

Cụm công nghiệp có quy mô diện tích không vượt quá 75 ha và không dưới 10 ha. Riêng đối với cụm công nghiệp ở các huyện miền núi và cụm công nghiệp làng nghề có quy mô diện tích không vượt quá 75 ha và không dưới 5 ha.

2. Cụm công nghiệp làng nghề là cụm công nghiệp phục vụ di dời, mở rộng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ

sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân trong làng nghề nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, phát triển nghề, làng nghề ở địa phương.

3. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp là doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

4. Ban Quản lý cụm công nghiệp cấp huyện là đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập để giao hoặc ủy quyền nhiệm vụ chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn.

5. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp bao gồm hệ thống các công trình giao thông nội bộ, vỉa hè, cây xanh, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn, cấp điện, chiếu sáng công cộng, thông tin liên lạc nội bộ, nhà điều hành, bảo vệ và các công trình khác phục vụ hoạt động của cụm công nghiệp.

6. Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp bao gồm các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam; các cá nhân và hộ gia đình (đối với cụm công nghiệp làng nghề) có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

7. Diện tích đất công nghiệp là diện tích đất của cụm công nghiệp có thể cho doanh nghiệp thuê, thuê lại để thực hiện sản xuất, kinh doanh, được xác định trong quy hoạch chi tiết do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

8. Diện tích xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp là phần diện tích đất của cụm công nghiệp dành cho xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung, được xác định trong quy hoạch chi tiết do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

9. Tỷ lệ lấp đầy của cụm công nghiệp là tỷ lệ % của diện tích đất công nghiệp đã cho các tổ chức, cá nhân thuê, thuê lại để sản xuất, kinh doanh trên tổng diện tích đất công nghiệp của cụm công nghiệp.

10. Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp là hệ thống các mục tiêu, định hướng, giải pháp và các cơ chế chính sách phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh trong từng thời kỳ nhất định nhằm phân bố, phát triển mạng lưới các cụm công nghiệp hợp lý trên cơ sở sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn lực, tài nguyên của địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ và phân công trách nhiệm giữa các Sở, ngành, UBND cấp huyện nơi có CCN và các đơn vị, tổ chức có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý đối với CCN; đảm bảo sự thống nhất và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong quá trình đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh trong các CCN.

3. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp;
4. Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;
5. Đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp;
6. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích;
7. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác báo cáo;
8. Các lĩnh vực khác;
9. Công tác thanh tra, kiểm tra.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 6. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Nội dung:

a) Xây dựng, ban hành, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật liên quan đến đầu tư, phát triển và hoạt động của cụm công nghiệp;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển cụm công nghiệp;

c) Hướng dẫn, hỗ trợ chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp thực hiện trình tự đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 16 Nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp, gồm:

- Lập, phê duyệt Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp;

- Lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp;

- Lập, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

- Tổ chức thi công xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và quản lý vận hành, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật sau khi hoàn thành.

d) Hướng dẫn, hỗ trợ đơn vị sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện các thủ tục đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp, gồm:

- Quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư (nếu có);

- Thuê đất;

- Đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy;

- Cấp Giấy phép xây dựng công trình; điều chỉnh; gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng; thu hồi giấy phép xây dựng. Trường hợp các công trình xây dựng trong cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và được thẩm định thiết kế thì được miễn giấy phép xây dựng, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo thời điểm khởi công bằng văn bản kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đến UBND cấp huyện để theo dõi, lưu hồ sơ.

e) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các dịch vụ công hỗ trợ hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong cụm công nghiệp;

f) Xây dựng và quản lý thông tin về cụm công nghiệp; chỉ đạo các hoạt động xúc tiến đầu tư vào cụm công nghiệp;

g) Tổ chức bộ máy, đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cơ quan quản lý nhà nước về cụm công nghiệp;

h) Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư; giải quyết khiếu nại, tố cáo; khen thưởng, xử lý vi phạm và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hình thành, hoạt động và phát triển cụm công nghiệp.

2. Sở Công Thương

a) Xây dựng các quy định và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp.

b) Chủ trì hướng dẫn, phối hợp giải quyết các thủ tục triển khai đầu tư theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với các thủ tục đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; đầu tư, sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

3. Các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Công an tỉnh, Cảnh sát phòng cháy chữa cháy; UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan: có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình, hướng dẫn, giải quyết các thủ tục triển khai đầu tư theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với các thủ tục đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

Điều 7. Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp

1. Nội dung và hồ sơ lập quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Điều 6 Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Sở Công Thương

a) Tổ chức lập, thẩm định đề cương, dự toán kinh phí lập quy hoạch phát triển cụm công nghiệp, trình UBND tỉnh phê duyệt. Việc thẩm định đề cương, dự toán kinh phí được thực hiện theo hình thức lấy ý kiến các Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành, cơ quan liên quan.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Quảng Ninh.

c) Tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp; Tổ chức Hội nghị thẩm định quy hoạch phát triển cụm công nghiệp; hoàn thiện hồ sơ quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định, báo cáo UBND tỉnh ký văn bản đề nghị Bộ Công Thương có ý kiến thỏa thuận Quy hoạch.

d) Trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức công bố, thực hiện Quy hoạch.

3. Các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện căn cứ chức năng nhiệm vụ phối hợp tham gia đóng góp ý kiến hoàn thiện dự thảo Quy hoạch, tham gia Hội đồng thẩm định và cho ý kiến thẩm định Quy hoạch.

Điều 8. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ và trình tự lập hồ sơ điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thực hiện theo quy định tại Điều 7, 8, 9 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ.

2. Trong quá trình thực hiện Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn, tùy theo điều kiện thực tế, UBND cấp huyện lập hồ sơ, trình UBND tỉnh (thông qua Sở Công Thương) xem xét điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp.

3. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Trên cơ sở đề xuất của Sở Công Thương, UBND tỉnh gửi văn bản lấy ý kiến thỏa thuận của Bộ Công Thương để làm căn cứ quyết định.

Điều 9. Lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Việc lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật được thực hiện trong giai đoạn thành lập, mở rộng cụm công nghiệp (quy định tại Điều 15 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ).

2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan thẩm định năng lực đối với nhà đầu tư hạ tầng kỹ thuật là doanh nghiệp, hợp tác xã, báo cáo UBND tỉnh quyết định. Trường hợp một cụm công nghiệp có nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã cùng đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thì căn cứ năng lực tài chính, kinh nghiệm của từng doanh nghiệp, hợp tác xã và mức độ khả thi của báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, Sở Công Thương báo cáo UBND tỉnh quyết định lựa chọn chủ đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và địa bàn không có khả năng thu hút doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao đơn vị làm chủ đầu

tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp là Ban Quản lý cụm công nghiệp cấp huyện.

Điều 10. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Điều kiện, hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 10, 11 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật có văn bản đề nghị kèm theo Báo cáo đầu tư, thành lập mở rộng cụm công nghiệp, gửi UBND cấp huyện.

Nội dung chủ yếu của Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp quy định tại khoản 2, Điều 11, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, gửi Sở Công Thương tổ chức thẩm định.

4. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo đúng trình tự quy định tại Điều 12, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ.

Nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp quy định tại Điều 13 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ.

5. Trường hợp cụm công nghiệp thành lập, mở rộng có điều chỉnh diện tích lớn hơn 5 ha so với quy hoạch đã được thỏa thuận thì Sở Công Thương tham mưu UBND tỉnh có văn bản thống nhất với Bộ Công Thương trước khi phê duyệt.

Điều 11. Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ và chi phí lập quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị và điểm 2 khoản 36 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

2. Chủ đầu tư được giao xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp tổ chức lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp và nộp về Ủy ban nhân dân cấp huyện để thẩm định, phê duyệt.

Nội dung quy hoạch chi tiết phù hợp với Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; quy hoạch phải bố trí hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và quy định về xử lý và xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp trước khi phê duyệt.

Điều 12. Lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện dự án đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp

1. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phù hợp với nội dung Báo cáo đầu tư, mở rộng cụm công nghiệp, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt và không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư.

2. Sở Xây dựng: Chủ trì phối hợp với các Sở ngành, địa phương, đơn vị liên quan hướng dẫn nội dung, thủ tục lập, thẩm định thiết kế xây dựng và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

3. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương; UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

4. Chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp: chịu trách nhiệm lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp trình Sở Xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng theo quy định và triển khai thực hiện, quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng; báo cáo cơ quan thống kê trên địa bàn về tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định của Luật Thống kê; đồng thời gửi Sở Công Thương 01 bản. Nội dung báo cáo gồm: Tiến độ đầu tư hạ tầng, vốn thực hiện, kết quả đầu tư của dự án, kết quả thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp, nộp ngân sách, kết quả thụ hưởng các ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước, lao động, bảo vệ môi trường và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.

5. UBND cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp của chủ đầu tư theo dự án đã được phê duyệt.

Điều 13. Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. Trong giai đoạn chuẩn bị dự án, chủ dự án phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì hướng dẫn chủ dự án lập và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và các nội dung của Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của chủ dự án theo thẩm quyền.

3. Các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

4. Chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp và các nhà đầu tư thứ cấp trong cụm công nghiệp nghiêm túc thực hiện công tác quản lý bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường /Kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt/xác nhận và các quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

Điều 14. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Hồ sơ, trình tự thủ tục thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 và Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

2. Chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp lập hồ sơ xin giao đất, thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường để triển khai thực hiện theo đúng trình tự, quy định hiện hành.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, trình UBND tỉnh xem xét quyết định theo quy định tại Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

4. UBND cấp huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc phối hợp với UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định của pháp luật. Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên môi trường theo quy định.

Điều 15. Tiếp nhận, triển khai dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

1. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư, cơ sở sản xuất có nhu cầu di dời vào cụm công nghiệp liên hệ với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật để được cung cấp thông tin về quy hoạch, bố trí ngành nghề, giá thuê đất, nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích, các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp và thỏa thuận nguyên tắc về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê.

2. Thuê đất, cấp phép xây dựng trong cụm công nghiệp:

a) Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào cụm công nghiệp thực hiện thủ tục thuê đất của nhà nước hoặc thuê lại đất đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; quản lý, sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Các công trình xây dựng trong cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và được thẩm định thiết kế xây dựng theo quy định thì được miễn giấy phép xây dựng. Trong trường hợp này, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo thời điểm khởi công bằng văn bản kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để theo dõi, lưu hồ sơ.

3. Sau khi thỏa thuận nguyên tắc về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê với chủ đầu tư hạ tầng, nhà đầu tư thứ cấp tổ chức lập các hồ sơ liên quan đến thủ tục triển khai dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp và nộp về UBND cấp huyện. Nội dung hồ sơ liên quan đến triển khai dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy; sau khi được phê duyệt các cơ quan chuyên ngành gửi UBND cấp huyện nơi có cụm công nghiệp.

4. Trách nhiệm của các cơ quan

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Đầu mối tiếp nhận, giải quyết hoặc phối hợp, đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào trong cụm công nghiệp (gồm: cho thuê đất, cấp giấy phép xây dựng, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường) theo quy định, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thẩm định thiết kế xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu trong cụm công nghiệp (theo phân cấp thẩm quyền tại Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 31/01/2018 của UBND tỉnh); xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp thuộc thẩm quyền được pháp luật quy định và công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên

và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định hoặc khi nhà đầu tư có nhu cầu (đối với trường hợp không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

c) Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hướng dẫn chủ dự án lập và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án đầu tư trong cụm công nghiệp

e) Cảnh sát PCCC tổ chức kiểm tra chấp thuận địa điểm, thẩm duyệt thiết kế và cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy.

5. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:

a) Cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư vào cụm công nghiệp về quy hoạch, bố trí ngành nghề, giá thuê đất, nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích và thỏa thuận nguyên tắc về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê.

b) Thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

c) Thực hiện công tác quản lý, sử dụng đất theo quy định tại điểm 5, điểm 6 Khoản 36 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

6. Trách nhiệm của các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp:

a) Thực hiện đầy đủ các thủ tục đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ theo quy định. Xác định cụ thể tiến độ sử dụng đất tương ứng với tiến độ thực hiện dự án đầu tư và cam kết thực hiện đúng tiến độ.

b) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, đầu tư, tài chính, kế toán, kiểm toán, thống kê, bảo hiểm, lao động, quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ, an ninh trật tự.

c) Thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Điều 16. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp gồm: Bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự; thông tin liên lạc; cấp nước, thoát nước; vệ sinh môi

trường, xử lý nước thải, chất thải; phòng cháy, chữa cháy; duy tu, bảo dưỡng, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ tiện ích khác.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm tổ chức cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp; xây dựng, phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trên cơ sở ý kiến của các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp, không trái quy định của pháp luật. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi Sở Công Thương, UBND cấp huyện để theo dõi, quản lý.

b) Giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích được xác định trên nguyên tắc thỏa thuận thông qua hợp đồng ký kết giữa tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Trường hợp không thỏa thuận được, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm báo cáo UBND cấp huyện xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp: Sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp đúng mục đích, có trách nhiệm bảo vệ các công trình công cộng, thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Quy chế này và theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác báo cáo

1. Các nội dung về hoạt động sản xuất kinh doanh phải báo cáo: Tình hình hoạt động dự án đầu tư trong cụm công nghiệp; Tình hình hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; Tổng hợp tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn cấp huyện; Tổng hợp tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh.

2. Trách nhiệm, chế độ báo cáo

a) Các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp: Định kỳ trước ngày 20 các tháng 4, 7, 10 hàng năm và tháng 1 năm sau, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và cả năm theo Biểu 01 Phụ lục 1 Thông tư số 15/2017/TT-BCT, gửi Cơ quan thống kê cấp huyện và sao gửi Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc UBND cấp huyện;

b) Chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp: Định kỳ trước ngày 20 tháng 7 hàng năm và tháng 1 năm sau, chủ đầu tư báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trong 6 tháng và cả năm theo Biểu 02 Phụ lục 1 Thông tư số 15/2017/TT-BCT, gửi Cơ quan Thống kê cấp huyện và sao gửi Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc UBND cấp huyện và Sở Công Thương; báo cáo theo quy định điểm 5, điểm 6 khoản 36 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

c) Phòng Kinh tế/Kinh tế hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố: Định kỳ trước ngày 25/7 hàng năm và tháng 1 năm sau, báo cáo tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp trên địa bàn trong 6 tháng và cả năm theo Biểu 03 Phụ lục 1 Thông tư số 15/2017/TT-BCT, gửi Sở Công Thương, UBND cấp huyện;

d) Sở Công Thương: Định kỳ trước ngày 31/7 hàng năm và tháng 1 năm sau, báo cáo tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp trên địa bàn trong 6 tháng và cả năm theo Biểu 04 Phụ lục 1 Thông tư số 15/2017/TT-BCT, gửi UBND tỉnh, Cục Công Thương địa phương;

e) Các đối tượng thực hiện chế độ báo cáo định kỳ bằng văn bản và thông qua cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp (nếu có). Ngoài ra, các đối tượng thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 18. Công tác phối hợp khác

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện nơi có CCN trong việc: Thẩm định cơ chế, chính sách cho thuê kết cấu hạ tầng và các loại chi phí sử dụng dịch vụ công cộng, tiện ích khác trình UBND Tỉnh phê duyệt đối với CCN do Ban quản lý CCN cấp huyện làm chủ đầu tư; Thẩm định giá cho thuê lại đất có hạ tầng trong CCN của chủ đầu tư hạ tầng đối với các dự án đầu tư, kinh doanh hạ tầng CCN được thụ hưởng chính sách từ nguồn ngân sách;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh bố trí vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN; Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương, đơn vị xác định giá đất cụ thể để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư khi thành lập, xây dựng và mở rộng CCN; Phối hợp Cơ quan thuế, các Sở, ngành và UBND cấp huyện nơi có CCN: thẩm định giá cho thuê lại đất có hạ tầng trong cụm công nghiệp của chủ đầu tư hạ tầng đối với các dự án đầu tư, kinh doanh hạ tầng CCN được thụ hưởng chính sách từ nguồn ngân sách.

2. Sở Giao thông Vận tải

a) Hướng dẫn các thủ tục về đấu nối trong trường hợp CCN đấu nối từ quốc lộ trở lên; thực hiện chấp thuận, cấp phép đấu nối CCN với các tuyến đường do Sở Giao thông Vận tải quản lý.

b) Tham gia ý kiến về quy hoạch giao thông trong các CCN, tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các công trình giao thông trong CCN tùy theo tính chất công trình và thẩm quyền phân cấp.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của Ban Quản lý cụm công nghiệp cấp huyện được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì thẩm định công nghệ đối với các dự án thuộc đối tượng phải thẩm định công nghệ; Tham gia ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư. Hướng dẫn thực hiện các hoạt động: chuyên giao công nghệ; an toàn bức xạ và hạt nhân; sở hữu trí tuệ; ghi nhãn hàng hóa; mã số mã vạch; xây dựng tiêu chuẩn, công bố tiêu chuẩn áp dụng; công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy; quản lý và sử dụng phương tiện đo và các hoạt động đảm bảo các hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng, đáp ứng theo yêu cầu quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp trong CCN.

b) Phối hợp các ngành liên quan theo dõi và kiểm tra việc chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước về khoa học và công nghệ; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, năng lượng nguyên tử, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ; giải quyết tranh chấp về sở hữu trí tuệ; xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp; thực hiện kiểm tra về nhãn hàng hóa, chất lượng sản phẩm hàng hóa lưu thông, xuất khẩu, nhập khẩu theo thẩm quyền.

5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành có liên quan tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn triển khai thực hiện các quy định của Bộ luật Lao động hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành cho người sử dụng lao động và người lao động trong CCN để thực hiện đúng các quy định của pháp luật về lao động, bảo đảm quyền lợi của người lao động và người sử dụng lao động.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật lao động, pháp luật bảo hiểm xã hội, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về lao động.

c) Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, địa phương giải quyết các vụ tranh chấp lao động, đình công trong các CCN theo đúng quy định pháp luật và Quy chế Phối hợp giải quyết các vụ tranh chấp lao động trên địa bàn tỉnh.

d) Theo dõi tình hình cung cầu và sự biến động cung cầu lao động trong các CCN làm cơ sở để quy hoạch, định hướng công tác đào tạo nghề, đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường lao động.

6. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành có liên quan hướng dẫn và thường xuyên kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý lao động trong các CCN; phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong lĩnh vực này.

b) Chủ động nắm tình hình, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị quản lý hạ tầng và các doanh nghiệp hoạt động trong CCN trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo an sinh xã hội, an ninh, trật tự tại địa bàn;

phát động phong trào toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc trong các CCN, xây dựng cơ quan, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

c) Phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương, tổ chức công đoàn cơ sở trong việc nắm tình hình thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động. Chủ động phát hiện, tham mưu cho doanh nghiệp giải quyết kịp thời các kiến nghị hợp lý của người lao động, không để xảy ra mâu thuẫn, khiếu kiện kéo dài, đình công, lãn công. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý các đối tượng lôi kéo, kích động đình công, lãn công trái pháp luật, gây mất an ninh, trật tự tại địa bàn.

d) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ANTT tại các CCN. Phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các cơ quan, doanh nghiệp, người lao động về quản lý xuất nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài; quản lý cư trú của người Việt Nam; quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ, VLNCN; quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong các CCN.

e) Thường xuyên nắm tình hình các ổ nhóm, đối tượng hình sự tại địa bàn và khu vực xung quanh các CCN; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh có hiệu quả với các hoạt động tội phạm, vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội nhất là tội phạm hình sự, ma túy.

7. Cảnh sát phòng cháy chữa cháy

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan thanh tra, kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm về an toàn phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn; hướng dẫn lập và phê duyệt phương án chữa cháy cho các cơ sở hoạt động trong CCN.

b) Kiểm tra chấp thuận địa điểm, thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy cho các công trình trong CCN theo quy định.

8. Cục Thuế tỉnh

a) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện nơi có CCN: Tuyên truyền, hướng dẫn chính sách, pháp luật về thuế cho các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh trong các CCN.

b) Phối hợp với UBND cấp huyện, đơn vị kinh doanh hạ tầng CCN hướng dẫn, tuyên truyền, giải quyết các vướng mắc về chính sách thuế đối với các doanh nghiệp trong CCN và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc thực hiện nộp thuế.

c) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế ở các doanh nghiệp trong CCN theo quy định pháp luật.

9. Các sở, ngành có liên quan

Thực hiện việc giám sát, hướng dẫn và triển khai công tác phối hợp quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 19. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Các Sở, ngành và đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm đối với các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện.

2. Trước khi tiến hành thanh tra, kiểm tra, các cơ quan, tổ chức phải thông báo kế hoạch về Sở Công Thương tổng hợp, thống nhất sắp xếp, bố trí để tránh chồng chéo, quá nhiều lần đối với một doanh nghiệp và việc thanh tra, kiểm tra phải thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Công Thương theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các Sở, ngành, UBND các huyện, thị, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Quy chế này; định kỳ hàng năm tổng hợp, đánh giá báo cáo UBND tỉnh.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Quy chế, các Sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Tùng